



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV # _____

VEWL.# _____

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER
REGISTRATION FORM
(Two Copies)

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THI HONG HUE
Last Middle First

Current Address 75 Hùng Diệu, Long Hương, Châu Thành, Đồng Nai

Date of Birth 3/20/1941 Place of Birth Baria, S.VN

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND):

DUONG QUANG NGO (01/21/39)

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/75 To DEATH DATE: 12/75

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN CAO TRI
Name

Address & Telephone Houston, Tex

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NGUYEN CAO TRI, Houston, Tex</u>	<u>Nephew</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 9/21/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN THI HONG HUE
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DUONG QUANG THONG	1963 1963	Son
DUONG QUANG THONG	8/31/64	Son
DUONG QUANG THAO	7/17/1965	Son
DUONG QUANG THANH	8/5/1966	Son
DUONG QUANG NGHIA	8/29/1967	Son
DUONG QUANG DUNG	9/6/1969	Son
DUONG QUANG CAM-TU	1/26/1974	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Ghi chú:

- Học tập cải tạo từ 6/27/75 - 12/75
- Chết tại trại cải tạo 12/75
- o có giấy khai tử
- cần giấy hộ tịch, đổi hồ sơ 9/24/88
Dung

T U Ũ N G - M A O Q U Â N - V U

(Loại C)

Của Đại-ủy DƯƠNG-QUANG-NOÏ số-quân 59/161.204

Sinh ngày	21.01.1939	Tại	Trung-Kiên
Quân	Phụ-Lực	Tỉnh	Thừa-Thiên
Con của ông	DƯƠNG-QUANG-LƯC	Và Bà	LÊ-THỊ-LAM
Cư-ngụ tại	30/26 Nguyễn-Bình-Nhiệm	Tỉnh	Sài-Gòn
Kết hôn ngày	01.10.1963	Với cô	NGUYỄN-thị-Hồng-Huê
Cư-ngụ tại P	Phước-Lô	Tỉnh	Phước-Tuy

Giấy phép kết hôn số: 1794/QP/NV/S.213A ngày 19/9/63 của BQP

Q U Â N - V U L I Ê N - T I Ế P

- 10.01.1961 : Được thụ nhận vào khóa 11 Sinh-Viên Sĩ-Quan Trại-Bị Thủ-Hức, công-vụ kể từ ngày ấy.
- 21.06.1961 : Mãn khóa căn-bản quân-sự, được phân-phối theo học ngành Viên-Thôn do Tư-Vấn số 0410/TTM/L/TK/K ngày 04.01.61 của BTM và DS kế-quản khảo-sát tâm-lý số 659/TNTL/TU ngày 02/06/61. của Viện Trắc-Nhiệm Tâm-Lý Trung-Ưng Quân-Đội VNCH.
- 01.10.1961 : Thuyên-chuyển thăng số đến Trung-Tâm Huấn-Luyện Truyền-Tin Vũng-Tàu do LTC số 6535/QP/NV/NVQD/LQ/TC1 ngày 31/10/61 của BQP.
- 22.12.1961 : Mãn khóa Sĩ-Quan Căn-Bản Truyền-Tin. Trúng tuyển chung trong kỳ thi mãn khóa 11/SVSGTB, được thăng-cấp Chuẩn-Ủy/TB do NĐ số 059/QP/NĐ ngày 23.1.62 của Bộ)Quốc-Phòng.
- 15.01.1962 : Được học thêm khóa Siêu-tàn-số và chuyển-lưu. Mãn khóa được thuyên-chuyển đến Liên-Đoàn 63 Truyền-Tin do LTC số 3746/QP/NV/NVQD/LQ/TC1 ngày 02.06.62 của BQP.
- 01.08.1962 : Thuyên-chuyển đến Tiểu-Đoàn 630/KTTT do LTC số 5071/QP/NV/NVQD/LQ/TC1 ngày 07/08/62 của BQP.
- 31.08.1963 : Liên-Đoàn 63/TT giải-tân, Tiểu-Đoàn 630/KTTT biến-cải thành đơn-vị tự-tri và quản-trị quân-số trực thuộc do NĐ số 1261/QP/NĐ ngày 06-07-63.
- 01.10.1963 : Thuyên-chuyển về Trung-Tâm Huấn-Luyện Vạn-Kiếp do LTC số 5379/QP/S22IB ngày 28.10.63 của BQP.
- 16.03.1964 : Thăng-cấp Thiếu-Ủy TB thực thụ do NĐ số 413/QP/NĐ ngày 09-8-65 của BQP.
- 16-11-1966 : Thăng-cấp Trung-Ủy TB thực-thụ do NĐ số 119/TTM/NĐ ngày 14-1-66 của BTM
- 11-1-1966 : Được theo học khóa 33 tác-chiến trong rừng tại Mã-Lai.
- 05-11-1966 : Thuyên-chuyển đến đơn-vị 3 quản-trị địa-phương (thăng số khóa-sinh) do LTC số 07368/TTVK/HC/NV ngày 28/10/66 của TTHLQG/Vạn-Kiếp.
- LTC trên được hủy bỏ do BĐ số 0730/TTVK/HC/NV ngày 29/07/67 của TTHLQG/VK.

- 18.09.1967 : Được đề cử theo học khóa 4/67 Huân-Luyện-Viên tại TBB/Thủ-Đức do QĐ số C6104/TTVK/QH/DH/3 ngày 14-08-67.
- 14.10.1967 : Mãn khóa với điểm trung-bình 11,13 được trả về đơn-vị gốc do SVL số 757/TB3/TQT/KS/SVL ngày 3-10-67 của Trường B.B
- 01.04.1969 : Thăng-cấp Đại-Ủy nhiệm-chức do NĐ số 162/TTM/NĐ ngày 3-4-69 của BTTM
- 08.08.1969 : Được bổ-chiến chức-vụ Trưởng Ban Truyền-Tin do LBN số 005680/TTVK/HC/NV/1 ngày 7-8-69 của TTHLQG/Vũ Kiếp
- 01.07.1970 : Thăng cấp Đại-Ủy thực-thụ do NĐ số 517/TTM/NĐ ngày 8-7-70 của BTTM.
- 01.01.1971 : Thuyên-chuyển đến Tiểu-Đoàn 1/53 (SĐ23BB) do TTC số 13.641/TTM/TQT/BN/SQ/A/K ngày 24-12-70 của BTTM.
- 16.02.1/71 : Thuyên-chuyển đến Đại-Đội Chỉ-Huy Công-Vụ 53 để giữ chức-vụ SQTT/TRĐ53BB do LTC số 1025/TRĐ53/1/NV/TC ngày 26-2-71 của TRĐ53BB.
- 16.02.1971 : Được đề-cử chức-vụ SQTT/TRĐ53BB kiêm Trung-Đại-Trưởng Trung-Đại-Truyền-Tin TRĐ53 do SVVT số 1175/TRĐ53/1/NV/BN ngày 10.03.71 của BCH/TRĐ53BB.

HUY - CHƯƠNG VÀ TƯỚNG - LỤC

- CDBT niên-hiệu 60 do QĐ số 23/TCQH/QĐ ngày 29/9/60
- QVBT hạng 5 do QĐ số 079/TCQH/QĐ/QVBT ngày 29/6/67
- HVBT hạng I do QĐ số 92/TTM/TCQH ngày 12-9/68
- QVBT hạng 4 do QĐ số 129/TTM/TCQH/QVBT ngày 2/8/69 của TCQH
- Tổng-Lục cấp Lữ-Đoàn do QĐ số 07/TRĐ53/1/HC/CL/TL ngày 13-7-71
- Trưởng-Lục cấp Lữ-Đoàn do CL số 14/SĐ23/CL/TL ngày 4-8-72.

SAC Y SỞ QUÂN-SỐ

-Đã bổ-túc hồ sơ xin theo học
khóa 1/SQTT/Trung-Cấp

KBĐ.37.36, ngày 19 tháng 01 năm 1973

TL. Đại-Đội TRẦN-VAN-CHÂU
Trung-Đoàn-Trưởng Trung-Đoàn 53/BB
Đại-Ủy NGUYỄN-TÂN Trưởng Ban I

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NĐP TỐN

ODP IV : _____

Date: _____
ngày: _____

Fill out this questionnaire in English : Mail or sent the completed
as completely as possible. If you cannot : questionnaire to :
read or write in English, fill it out in : Gửi số câu hỏi này tới:
Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng
Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc
viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt

127 Panjabum Building
Sathorn Raj Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data : Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN-TRỊ HỒNG-HUẾ Sex : FEMALE
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi sinh : 20-03-1941 BARIA
4. Residence Address,
Địa chỉ thường trú : 25-HUONG ANH HAMLET- LONG HUONG VILLAGE- CHAU THINH DISTRICT
5. Mailing Address
Địa chỉ thư từ : HOANG-NHAI PROVINCE, SOUTH VIET-NAM
6. Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại : TO SELL RUBBER

B. Relatives to Accompany Me / Bà con cùng đi với tôi

(Note : Your spouse and unmarried children, are the only relatives eligible to accompany you. List marital status as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái chưa cưới là những người duy nhất có thể cùng đi với bạn và thời. Kê khai tình trạng Gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name họ, tên	Date of Birth ngày/tháng/ năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1. <u>ĐƯỜNG QUANG CHÔNG</u>	<u>1963</u>	<u>BARIA</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>son</u>
2. <u>ĐƯỜNG QUANG THƯỜNG</u>	<u>1964</u>	<u>BARIA</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>son</u>
3. <u>ĐƯỜNG QUANG THUẬN</u>	<u>1965</u>	<u>BARIA</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>son</u>
4. <u>ĐƯỜNG QUANG THANH</u>	<u>1966</u>	<u>BARIA</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>son</u>
5. <u>ĐƯỜNG QUANG NGHĨA</u>	<u>1968</u>	<u>BARIA</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>son</u>
6. <u>ĐƯỜNG QUANG ĐUNG</u>	<u>1969</u>	<u>BARIA</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>son</u>
7. <u>ĐƯỜNG QUANG CẨM-TÚ</u>	<u>1974</u>	<u>BARIA</u>	<u>FEMALE</u>	<u>SINGLE</u>	<u>daughter</u>
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification card (if available, and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thu (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con cùng ở với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở nước ngoài

1. Closest Relative In the U.S

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

Họ, tên

Of myself/của tôi

Of my Spouse/của vợ/chồng

NGUYỄN CAO TRI

b. Relationship

Lien hệ gia đình

me phen

c. Address

Địa chỉ

Houston TX USA

2. Date of Relatives Arrival in the U.S

Ngày Bà con đến Mỹ

10/1984

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

NGUYỄN THANH QUANG

b. Relationship

Lien hệ gia đình

Younger

c. Address

Địa chỉ

Bergfried STR 8-1000 Berlin 61 WEST GERMANY

D. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father

Cha

NGUYỄN VĂN HANG (Living)

2. Mother

Mẹ

TRẦN THỊ CƯƠNG (Living)

3. Spouse

Vợ/chồng

ĐƯỜNG QUANG NGỎ (Dead)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/chồng trước (nếu có)

5. Children

Con cái

(1) ĐƯỜNG QUANG THỎA (Living)

(2) ĐƯỜNG QUANG THỎA (Living)

(3) ĐƯỜNG QUANG THẢO (Living)

(4) ĐƯỜNG QUANG THƠNH (Living)

(5) ĐƯỜNG QUANG NGHĨA (Living)

(6) ĐƯỜNG QUANG DŨNG (Living)

(7) ĐƯỜNG QUANG CẨM THÚ (Living)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em

(1) Nguyễn Văn Lạc (Living)

(2) Nguyễn Thanh Cường (Dead)

- 703 -
- (3) Nguyễn Thị Phú Dung (dead)
 - (4) Nguyễn Thị Hồng Nhân (living)
 - (5) Nguyễn Thanh Mỹ (Living)
 - (6) Nguyễn Thanh Hưng (Living)
 - (7) Nguyễn Thanh Quang (Living)
 - (8) Nguyễn Thị Hồng Phúc (Living)
 - (9) Nguyễn Thanh Đức (Living)

5. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ.

1. Employee Name

Tên họ nhân viên

Position title

Chức vụ

Age, co/Company/Office

Số, hàng, văn phòng

Length of Employment

Thời gian làm việc

Name of American Supervisor

Tên họ giám thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

2. Employee Name

Tên họ nhân viên

Position title

Chức vụ

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn phòng

Length of Employment

Thời gian làm việc

Name of American Supervisor

Tên họ giám thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

3. Employee Name

Tên họ nhân viên

Position title

Chức vụ

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn Phòng

Length of Employment

Thời gian làm việc

Name of American Supervisor

Tên họ Giám Thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

7. Service with GVN or RVNAF By Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham gia

2. Dates :

Ngày, tháng, năm

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị Binh chủng

5. Name of Supervisor/C.O

Họ tên người giám thị/

sĩ quan chỉ huy

ĐƯỜNG QUANG NGỎ

From:

To: 10-10-1961

To:

To: 30-04-75

Serial Number:

Announce captain

the nhân viên: 59/161-204

53 REGIMENT infantry

colonel TRẦN VĂN CHỮ

6. Reason for Separation

Ly do nghi viec : To free perfect entire South Viet Nam

7. Names of American Advisor (s)

Họ tên cố vấn Mỹ :

8. U.S Training Courses in Vietnam:

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ :
tại Việt Nam

9. U.S Awards or Certificates

Name of award

Date received:

Phan thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ NO ☐

(CHU Y : Xin bạn kê theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư nếu có.

Đương sự có không? Có ☐ không ☐).

G. Training Outside Vietnam of You Spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc gia

1. Name of Student/Trainee :

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện : ĐƯỜNG QUANG NGỘ

2. School and School Address :

Trường và địa chỉ nhà trường:

3. Dates :

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ

Đến

: 8 November 1966

: 16 December 1966

4. Description of Courses

Mô tả ngành học

: The army of the republic of Vietnam

5. Who paid for training?

AI đã trả cho chương trình huấn luyện :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐

No ☐

(CHU Y: Xin bạn kê theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation :

Họ tên người đã học tập cải tạo : ĐƯỜNG QUANG NGỘ

2. Time in Reeducation:

From

To

Thời gian học tập

Từ

Đến

: 27-06-1975

: 16/1975

3. Still in Reeducation :

Yes

No

Vẫn còn học tập cải tạo:

Yes

Không

+ (If released, we must have a copy of your release certificate.)

+ (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/ Gược chú phụ thuộc

Tôi nguyên là chủ kỹ đánh máy của hội đồng tỉnh Quảng Trị từ năm 1962 đến ngày 30-01-75. Không tôi tại vị Đường Quang Ngộ có đang bị lập trung học tập cải tạo tại trại long khánh từ ngày 27-06-75. Khoảng tháng 12/1975 có lệnh thả miễn, tôi có tên trại tham thị của tin chống tôi đã chết tại trại cải tạo. Hiện hoàn cảnh gia đình tôi gặp nhiều khó khăn. Chính cần quý phòng sớm em xét cho gia đình tôi được lĩnh ưu theo chính sách nhân đạo

Signature

Ký tên

Date

Ngày

NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY

28 of 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với câu hỏi này

HQ



FARELF

This is to certify that 1 LT. DUONG QUANG NGO
of THE ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM
successfully completed VIETNAMESE OFFICERS COURSE NO. 33 HERE AT
from 8 NOVEMBER 66 to 16 DECEMBER 66
THE JUNGLE WARFARE SCHOOL FARELF

William J. C.
COLONEL

Major General
Chief of Staff
Far East Land Forces

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

~~PHƯỚC - TUY~~
QUẬN : ~~LONG - L~~
XÃ : ~~PHƯỚC - L~~

Số hiệu : ~~134~~

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỰ

Tên, họ người chồng DƯƠNG - QUANG - NGUYỄN

nghề-nghiep Quản-lý

sinh ngày 21 tháng 1 năm 1939

tại Trung-Kiên Thừa-chiến

cư-sở tại KBC 4432

tạm trú tại TRUNG-TỔ HUẤN-LUYỆN VAK-KIẾP

Tên, họ cha chồng DƯƠNG - QUANG - LUYỆN (c)
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng LÝ-THỊ-LANG (c)
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ NGUYỄN-THỊ-HỒNG-HUỆ

nghề-nghiep Làm việc nhà

sinh ngày 20 tháng 3 năm 1941

tại LONG-HUYỆNG PHƯỚC-TUY

cư-sở tại - - - -

tạm trú tại LONG-HUYỆNG

Tên, họ cha vợ NGUYỄN - VĂN - MẠNG (c)
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ TRẦN - THỊ - CANG (c)
(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Phước-Lễ, ngày một tháng mười năm 1

— Vợ chồng nhà cô này không lập hôn-kế

ngày XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX năm XXXX

tại XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

VI - CHỨNG

H. V. Kinh-Tế và Tài-Chánh

PHAN-VĂN-VĨNH

Nhận thực chủ ký
Của Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

Phước-Lễ trên-dây.
Long-Lễ, ngày 18-10-1966

L.L. QUẢN-TRƯỞNG
Phó Quận-lương

Trích y bốn chánh

Phước-Lễ ngày 15 tháng 10 năm 1966

Viên-chức Hộ-tịch,
Đi-Miền Kiện Hộ-Tịch



NGUYỄN-PHƯỚC-SƠN

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

An Phước-Tuy

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Long-Hương

Phước-Tuy

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NAM
(Année)

1963

SỐ HIỆU
(Acte No)

84

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lời Cảnh: Do án số 221/NL, ngày 30/6/1964, Tòa Hoà Giải Rộng Quyền Phước-Tuy, có tuyên án thả về khai sanh, và chính thức hoá cho:
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sinh ngày nào (Date de naissance)	
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	-Đương-quang-Thông, nam, sinh năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (1963), tại xã Long-Hương, quận Long-Lê, tỉnh Phước-Tuy, là con của Đương-quang-Ngũ, và Nguyễn-thị-Hằng-hung ./.
Chức làm nghề gì (Sa profession)	
Nơi cư ở đầu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mức làm nghề gì (Sa profession)	
Nơi cư ở đầu (Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ (Bon rang de femme, d'épouse)	

Chúng tôi, **Nguyễn-Hu-Bảo**
(Nous)

Chánh-án Tòa **Phước-Tuy**
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông **Phạm-quang-Nhân**
(M)

Chánh-Lục-Sự Tòa-án số tại.
(Greffier en chef audit tribunal)

Phước-Tuy, ngày **10/9/1964**.
CHÁNH ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh.
(Four extrait conforme)

Phước-Tuy, ngày **10/9/1964**.
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

[Signature]

Giá tiền : **5000**
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance n°)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số: HT2/P3

Xã, Thị trấn Long Hương

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Châu Thành

BẢN SAO

Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

GIẤY KHAI SINH

Số : 1083

Quyển số :

Họ và tên	DƯƠNG QUANG TÙNG		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ba mươi mốt, tháng tám năm 1964			
Nơi sinh	Nhà bảo sanh Hưu Phước (Phước Tuy)			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	DƯƠNG QUANG NGỌ Hai mươi lăm tuổi		NGUYỄN THỊ HỒNG HUY Hai mươi ba tuổi	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Quân nhân		Lấn việc nhà	
Nơi ĐKNK thường trú				
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	DƯƠNG QUANG NGỌ, Hai mươi lăm tuổi, Long Hương Phước Tuy			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 9 tháng 11 năm 1984
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày tháng năm 198

TM. UBND ký tên đóng dấu


Lương Thành Sơn

QUYỀN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Long Hưng
Thị xã, Quận Cầu Giấy
Thành phố, Tỉnh Hưng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã: HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số : 933
Quyền số :

Họ và tên	DƯƠNG-QUANG-THẢO		Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	Mười bảy tháng bảy năm 1965		
Nơi sinh	Bào Sơn Phước Tuy		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	DƯƠNG-QUANG-NGO Hai mươi sáu tuổi	NGUYỄN THỊ HỒNG HUY Hai mươi bốn tuổi	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Quản nhân	Làm việc nhà	
Họ tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	DƯƠNG-QUANG-NGO, Hai mươi sáu tuổi Phước Lễ, Phước Tuy		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 9 năm 1986

TM. UBND ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 25 tháng 9 năm 1986
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Đường Văn Sơn

KHAI SANH

Số hiệu : 1089

Trích y theo Bộ
Phước-Lễ, ngày 17-10-1966
Chủ-tịch K HỘ-Tịch

[Signature]

NGUYỄN-VĂN-CHUẨN

VI - CHỨNG
ỦY-VIÊN TÀI-CHÁNH

PHAN-VĂN-VÀNG

Nhận thực chủ ký
Của Ủy-Ban Hành-Chánh XÃ
PHƯỚC-LỄ trên đây.

Long-Lễ, ngày 18-10-1966

T.L. QUAN-TRƯỞNG
Phó Quận-Trưởng



NGUYỄN-PHƯỚC-DUN

Tên, họ ấu-nhi :	<u>DƯƠNG - QUANG - THANH</u>
Phái :	<u>Nam</u>
Sanh :	<u>Ngày năm tháng tám 1966</u> (Ngày, tháng, năm)
Tại :	<u>Bảo sanh Phước-Lễ</u>
Cha :	<u>DƯƠNG - QUANG - NGỌ</u> (Tên, họ)
Tuổi :	<u>Hai mươi bảy tuổi</u>
Nghề-nghiệp :	<u>Quân - Nhân</u>
Cư-trú tại :	<u>Phước-Lễ Phước-Tuy</u>
Mẹ :	<u>NGUYỄN-THỊ-HỒNG-HUÊ</u> (Tên, họ)
Tuổi :	<u>Hai mươi lăm tuổi</u>
Nghề-nghiệp :	<u>Thợ kỹ</u>
Cư-trú tại :	<u>Phước-Lễ Phước-Tuy</u>
Vợ :	<u>Vợ chánh</u>
Người khai :	<u>NGUYỄN-THỊ-HẠNH</u> (Tên, họ)
Tuổi :	<u>Hai mươi lăm tuổi</u>
Nghề-nghiệp :	<u>Nữ hộ sanh</u>
Cư-trú tại :	<u>Phước-Lễ Phước-Tuy</u>
Ngày khai :	<u>Ngày 8 tháng tám 1966</u>
Người chứng thứ nhất :	<u>NGUYỄN-THỊ-TUYẾT-MAI</u> (Tên, họ)
Tuổi :	<u>Hai mươi lăm tuổi</u>
Nghề-nghiệp :	<u>Nữ Hộ-sanh</u>
Cư-trú tại :	<u>Phước-Lễ Phước-Tuy</u>
Người chứng thứ nhì :	<u>NGUYỄN-THỊ-KIM-TRÂM</u> (Tên, họ)
Tuổi :	<u>Hai mươi chín tuổi</u>
Nghề-nghiệp :	<u>Nữ Hộ-sanh</u>
Cư-trú tại :	<u>Phước-Lễ Phước-Tuy</u>

Làm tại Phước-Lễ, ngày 8 tháng 8 năm 1966

-- Người khai,
HẠNH ký

Hộ-lại,
CHUẨN ký

Nhân-chứng,
MAI và TRÂM ký

Kê, Thị trấn Long Hưng

Học tập -- Tự Do -- Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Cầu Thành

Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số : 1146

Quyển số :

Họ và tên	DƯƠNG-QUANG-HOÀ		Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm	Hai mươi chín tháng tám năm 1966		
Nơi sinh	Báo Sanh Phước Lễ		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	DƯƠNG-QUANG-HOÀ Hai mươi chín tuổi	NGUYỄN-THỊ-ĐỒNG-HUỆ Hai mươi bảy tuổi	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Quản nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	DƯƠNG-QUANG-HOÀ, Hai mươi chín tuổi KBC 4432		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 9 năm 1986

TML UBND ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 2 tháng 9 năm 1986
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Thị trấn Cầu Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã thị trấn Long Hưng
Thị xã Quận Châu Thành
Thành phố, Tỉnh Hưng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã: HT/PS

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số : 1112
Quyển số :

Họ và tên	DƯƠNG-QUANG-LĂNG		Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 6 tháng 9 năm 1969		
Nơi sinh	Bào sinh Phước Lễ		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	DƯƠNG-QUANG-HOÀ Ba mươi tuổi	NGUYỄN-THỊ-HỒNG-HUỆ Hai mươi tám tuổi	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Quản nhân	Hộ trợ	
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	DƯƠNG-QUANG-HOÀ, Ba mươi tuổi Phước Lễ, Phước Tuy		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 9 năm 1986

TM. UBND ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 10 tháng 11 năm 1989
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

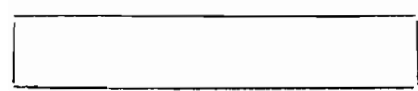


Quản nhân

Tỉnh : **LỘC NAI**
Huyện : **CHAU THANH**
Xã : **PHƯỚC LÃ**
Số hiện : **504**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

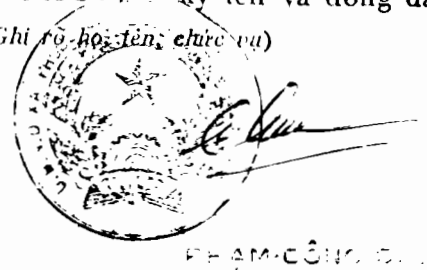
GIẤY KHAI SINH



Họ và tên	DƯƠNG-QUANG-CHÂN-TỬ	Nam, nữ
Sinh ngày	26 - 1 - 1974	
tháng, năm		
Nơi sinh	Xã Phước Lễ Huyện Châu Thành Tỉnh Đồng Nai	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng năm sinh)	DƯƠNG QUANG NGỌ 1939	NGUYỄN-THỊ-HỒNG-HUY 20-3-1941
Dân tộc quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt-Nam
Nghề-nghiệp, nơi ĐKNK thường trú	chết	Công Nhân Viên Xã Long Hương
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai	nhà NGUYỄN THỊ HỒNG HUY sinh năm 1941, tại Xã Long Hương, căn cước số 00585571, cấp tại Phước Lễ ngày 18-3-1969	

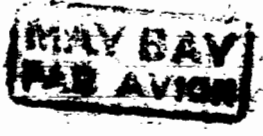
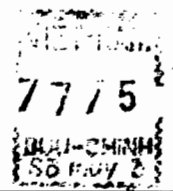
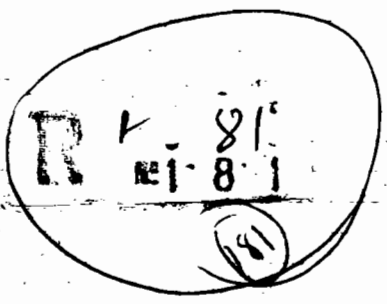
Chứng nhận của
Ban Nhân Dân Thôn :

Đăng ký ngày **19** tháng **4** năm 197**7**
TM/UBHC **Phước Lễ** ký tên và đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



PHẠM CÔNG DŨNG

From: Nguyễn Thị Hồng Huệ
75 Hoàng Diệu - Long Hương - Cầu Thành
Đông Ngai



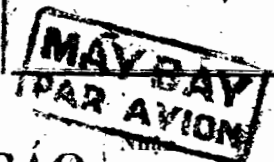
BÀ KHUẾ MINH THƯ
Qo: PO BOX 5435 FERTINGTON
VA 22205 - 0635
TELEPHONE 703-560.0058

USA



Mẫu 72 15 X 10

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam



C.
Nhập ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis



GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhà
Réception
Trả tiền
Payement

Adresse BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ, 75 HƯỚNG ĐIỀN LONG HƯƠNG

(3) CHAU THANH, TỈNH ĐỒNG NAI

(2) ở (à) nước (Pays)

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ "Hoàn lại bằng máy bay".
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh "Par avion".
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc gửi
A remplir par le Bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1).
Envoi recommandé

Ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau des postes de

ngày

le

Địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

VA 22205 0635 TELEPHONE 703 060 0058 USA

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn Bureau cục nhận

Timbre du bureau

destinataire

BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký " được ủy quyền "
Nếu phát chậm ghi lý do như " Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ".

September 1988